

Bản án số: 73/2023/KDTM-ST

Ngày: 18/8/2023

V/v: Tranh chấp hợp đồng xây dựng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thúy Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Đoàn Văn Minh

2. Ông: Trần Quốc Sơn

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đặng Thị Thùy Dung –

Cán bộ tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 18/8/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 39/2023/TLST-KDTM ngày 08 tháng 6 năm 2023 về việc: *Tranh chấp Hợp đồng xây dựng* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2023/QĐXXST-KDTM ngày 27/7/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 130/2023/QĐST – KDTM ngày 11/8/2023 giữa :

- Nguyên đơn: Công ty TNHH J; Địa chỉ trụ sở: XX Khu nhà ở M, phường M, quận N, thành phố H; Đại diện theo pháp luật: Ông K, chức vụ: Giám đốc; Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thế T và bà Phạm Thị T1 (*Theo Giấy ủy quyền số 712 ngày 13/10/2022*) (*Bà T1 có mặt*).

- Bị đơn: Công ty TNHH W; Địa chỉ trụ sở: Số X, xóm Y, khu đô thị mới, phường M, quận N, thành phố H (nay là số X, ngõ Y Đại lộ T, phường M, quận N, thành phố H); Đại diện theo pháp luật: Ông M, chức vụ: Tổng giám đốc (*Vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Tại Đơn khởi kiện đề ngày 14/9/2022 và lời khai tại Tòa án, Nguyên đơn trình bày:**

Căn cứ vào các hợp đồng **Thi Công Xây Dựng**, công trình giữa **CÔNG TY TNHH J** và **CÔNG TY TNHH W** được thiết lập có thời hạn cụ thể với số hợp đồng như sau:

- **Hợp đồng kinh tế** Số 23/03/2020/HĐKT ngày 23 tháng 03 năm 2020 đính kèm là phụ lục hợp đồng số 01-23/03/2020/HĐKT, phụ lục hợp đồng số 02-23/03/2020/HĐKT ký giữa Công ty TNHH W và Công ty TNHH J về việc “**Thi công phun Urethan**” thuộc dự án: “**Xây dựng nhà máy Lotte Global Logistics tại Việt Nam**” tại địa điểm thi công: *Lô X, Đường số Y, khu công nghiệp L, Huyện C, tỉnh L*

- **Hợp đồng kinh tế** Số 19/06/2020/HD-CT&HTMS ngày 19 tháng 06 năm 2020 và phụ lục hợp đồng: 01-19/06/2020/HĐ- CT&HTMS ngày 25 tháng 06 năm 2020, ký giữa Công ty TNHH W và Công ty TNHH J về việc “**Chống thấm và Hoàn thiện mặt sàn**” thuộc dự án: “**Thi công xây dựng nhà máy mới Long Bình Electronics**” tại địa điểm thi công: *Khu công nghiệp X, Phường H, Thành phố H, Tỉnh H, Việt Nam.*

- **Hợp đồng kinh tế số:** 201025/HĐKT ký ngày 25 tháng 10 năm 2020 giữa Công ty TNHH W và Công ty TNHH J. Về việc “**Thi công chống thấm dự án THT Villa – K3**”.

Hai bên thống nhất rằng **CÔNG TY TNHH J** sẽ thi công các hạng mục được ký kết cụ thể cho từng hợp đồng cho **CÔNG TY TNHH W**. Đồng thời cam kết lịch thanh toán sau khi hai bên nghiệm thu công trình theo từng giai đoạn, các hạng mục đã thi công và xuất hoá đơn bởi **CÔNG TY TNHH J**.

Bằng sự tin tưởng trong việc hợp tác thi công hạng mục “**Chống thấm**” thông qua hợp đồng thi công xây dựng của Công Ty TNHH W, **Công Ty TNHH J** đã thi công và hoàn thành các hạng mục “**Chống thấm**” theo đúng tiến độ cho **CÔNG TY TNHH W** tại các địa điểm đã ký kết trong từng hợp đồng. Tất cả các hạng mục trong hợp đồng đã hoàn thành ký nghiệm thu bàn giao và đưa vào sử dụng, hóa đơn Công ty TNHH J ký phát hành cuối vào ngày 01/06/2021.

Với tinh thần thiện chí, hợp tác lâu dài, Công ty chúng tôi đã nhiều lần liên hệ Công Ty TNHH W, để yêu cầu thanh toán các hoá đơn trước đó cũng như hoá đơn cuối cùng được xuất vào ngày 01/06/2021, với tổng giá trị số tiền thi công và xuất hóa đơn là **10.035.216.920 VNĐ (Bằng chữ,**

mười tỉ không trăm ba mươi lăm triệu hai trăm mười sáu ngàn chín trăm hai mươi đồng)

Tuy nhiên tính đến 01/08/2021 Công Ty TNHH W chỉ thanh toán cho chúng tôi số tiền là: 7.817.261.542 VNĐ (*Bằng chữ: bảy tỉ tám trăm mười bảy triệu hai trăm sáu mươi một ngàn năm trăm bốn mươi hai đồng*) Như vậy, Công Ty TNHH W còn thiếu của chúng tôi là 2.217.955.378 VNĐ (*Hai tỉ hai trăm mười bảy triệu, chín trăm năm ngàn, ba trăm bảy mươi tám đồng*) chưa thanh toán.

Đã rất nhiều lần chúng tôi yêu cầu gặp gỡ và làm việc đối với Công Ty TNHH W, nhưng Công Ty TNHH W đã trốn trách nhiệm, không thực hiện thanh toán cho công ty chúng tôi số tiền còn lại, đồng thời được biết hiện nay người đại diện pháp luật của Công Ty TNHH W đã bỏ trốn, hành vi này đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của công ty chúng tôi, làm ảnh hưởng đến sự hợp tác, giao thương, buôn bán giữa hai công ty.

Nay, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của Công Ty TNHH J, chúng tôi Kính đề nghị **Tòa Án Nhân Dân Quận Nam Từ Liêm – Hà Nội** giải quyết cho chúng tôi những yêu cầu sau: Buộc Công Ty TNHH W, thanh toán công nợ còn lại cho Công ty chúng tôi với số tiền là: 2.217.955.378 VNĐ (*Hai tỉ hai trăm mười bảy triệu, chín trăm năm ngàn, ba trăm bảy mươi tám đồng*).

Đối với bị đơn: Sau khi thụ lý hồ sơ vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, các văn bản tố tụng khác của Tòa án, nhưng Công ty TNHH W không đến Tòa án làm việc và cũng không có quan điểm về việc giải quyết vụ án, không thể hiện quan điểm của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tính đến ngày 18/8/2023 số nợ gốc là : 2.217.955.378 VNĐ (*Hai tỉ hai trăm mười bảy triệu, chín trăm năm ngàn, ba trăm bảy mươi tám đồng*).

- Bị đơn: Vắng mặt tại phiên tòa nên không có lời trình bày.

- Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm đưa vụ án ra xét xử, thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 204, 205 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành các quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn chưa chấp hành quyền và nghĩa vụ của mình theo quy

định của Bộ luật tố tụng dân sự; Về nội dung vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật: Đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận theo quy định tại Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: **Công ty TNHH W** có đăng ký kinh doanh tại địa chỉ: Số X, xóm Y, khu đô thị mới, phường M, quận N, thành phố H (nay là số X, ngõ Y Đại lộ T, phường M, quận N, thành phố Hà Nội). Vì vậy việc Công ty TNHH J khởi kiện vụ án ra Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội là đúng quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm đã tiến hành đầy đủ thủ tục tố tụng và ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 124/2023/QĐXXST-KDTM ngày 27/7/2023, tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho nguyên đơn và bị đơn theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt không lý do. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về thời hiệu khởi kiện:

Nguyên đơn và bị đơn đã ký Hợp đồng kinh tế Số 23/03/2020/HĐKT ngày 23 tháng 03 năm 2020 đính kèm là phụ lục hợp đồng số 01-23/03/2020/HĐKT, phụ lục hợp đồng số 02-23/03/2020/HĐKT; Hợp đồng kinh tế Số 19/06/2020/HD-CT&HTMS ngày 19 tháng 06 năm 2020 và phụ lục hợp đồng: 01-19/06/2020/HĐ- CT&HTMS ngày 25 tháng 06 năm 2020; Hợp đồng kinh tế số: 201025/HĐKT ký ngày 25 tháng 10 năm 2020 (“dưới đây gọi tắt là Hợp đồng”). Thời điểm xuất hóa đơn cuối cùng vào ngày 01/6/2021 và có đơn đề nghị thanh toán công nợ ngày 22/9/2021. Ngày 14/9/2022, nguyên đơn đã nộp đơn cho Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm để khởi kiện Công ty TNHH W yêu cầu thanh toán nợ là nằm trong trong thời hiệu khởi kiện quy định tại Điều 319 Luật thương mại.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về tài liệu, chứng cứ:

Theo các tài liệu nguyên đơn cung cấp được thể hiện: Nguyên đơn và bị đơn đã ký kết các Hợp đồng kinh tế số 23/03/2020/HĐKT ngày 23 tháng

03 năm 2020 đính kèm là phụ lục hợp đồng số 01-23/03/2020/HĐKT, phụ lục hợp đồng số 02-23/03/2020/HĐKT; Hợp đồng kinh tế Số 19/06/2020/HD-CT&HTMS ngày 19 tháng 06 năm 2020 và phụ lục hợp đồng: 01-19/06/2020/HĐ- CT&HTMS ngày 25 tháng 06 năm 2020; Hợp đồng kinh tế số: 201025/HĐKT ký ngày 25 tháng 10 năm 2020. Các hợp đồng này được quy định các điều khoản cụ thể rõ ràng và được lập thành văn bản, mục đích và nội dung thỏa thuận của các bên là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức, có hình thức và nội dung phù hợp với các quy định của pháp luật nên Hợp đồng có hiệu lực theo quy định tại Điều 117, Điều 118, Điều 119 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho các đương sự đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vào các ngày 26/7/2023 và ngày 28/7/2023. Tuy nhiên chỉ có nguyên đơn có mặt và bị đơn vắng mặt. Do đó xác định những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án là chứng cứ của vụ án theo quy định tại Điều 95 của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình các bên thực hiện các hợp đồng nêu trên, tổng giá trị số tiền thi công và xuất hóa đơn là **10.035.216.920 VNĐ** (*Bằng chữ, mười tỉ không trăm ba mươi lăm triệu hai trăm mười sáu ngàn chín trăm hai mươi đồng*), bị đơn mới thanh toán cho nguyên đơn số tiền 7.817.261.542 VNĐ (*Bằng chữ: bảy tỉ tám trăm mười bảy triệu hai trăm sáu mươi một ngàn năm trăm bốn mươi hai đồng*). Như vậy bị đơn đã vi phạm các điều kiện trong hợp đồng và còn nợ số tiền của nguyên đơn là 2.217.955.378 VNĐ (*Hai tỉ hai trăm mười bảy triệu, chín trăm năm ngàn, ba trăm bảy mươi tám đồng*).

Xét thấy bị đơn đã không thực hiện đúng trong cam kết của các bên. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán toàn bộ số tiền trên là có căn cứ, phù hợp với Điều 81 Luật Xây dựng năm 2003, Điều 50 Luật Thương mại, phù hợp pháp luật. Vì thế cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải thanh toán số tiền trên cho nguyên đơn là có căn cứ nên được HĐXX chấp nhận.

Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 30; điểm b, khoản 1, Điều 35; khoản 1, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 144, Điều 146, Điều 147 Luật xây dựng 2014
- Điều 319 Luật thương mại
- Điểm c khoản 1, điều 27 Nghị định số 48 ngày 07/5/2010 về hợp đồng trong hoạt động xây dựng.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội năm 2016.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Công ty TNHH J** đối với **Công ty TNHH W** đối với các Hợp đồng:

+ **Hợp đồng kinh tế** Số 23/03/2020/HĐKT ngày 23 tháng 03 năm 2020 đính kèm là phụ lục hợp đồng số 01-23/03/2020/HĐKT, phụ lục hợp đồng số 02-23/03/2020/HĐKT ký giữa Công ty TNHH W và Công ty TNHH J về việc “**Thi công phun Urethan**” thuộc dự án: “**Xây dựng nhà máy Lotte Global Logistics tại Việt Nam**” tại địa điểm thi công: *Lô X, Đường số Y, khu công nghiệp L, huyện C, tỉnh L.*

+ **Hợp đồng kinh tế** Số 19/06/2020/HD-CT&HTMS ngày 19 tháng 06 năm 2020 và phụ lục hợp đồng: 01-19/06/2020/HĐ- CT&HTMS ngày 25 tháng 06 năm 2020, ký giữa Công ty TNHH W và Công ty TNHH J về việc “**Chống thấm và Hoàn thiện mặt sàn**” thuộc dự án: “**Thi công xây dựng nhà máy mới Long Bình Electronics**” tại địa điểm thi công: *Khu công nghiệp S, Phường H, Thành phố H, Tỉnh H, Việt Nam.*

+ **Hợp đồng kinh tế số:** 201025/HĐKT ký ngày 25 tháng 10 năm 2020 giữa Công ty TNHH W và Công ty TNHH J. Về việc “**Thi công chống thấm dự án THT Villa – K3**”.

Buộc Công ty TNHH W phải thanh toán cho **Công ty TNHH J** thanh toán số tiền gốc: 2.217.955.378 VNĐ (*Hai tỉ hai trăm mười bảy triệu, chín trăm năm ngàn, ba trăm bảy mươi tám đồng*).

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án dân sự của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi

chậm trả đối với số tiền chưa thi hành xong theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí:

Công ty TNHH W phải chịu 76.359.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty TNHH J số tiền 38.180.000đ tạm ứng án phí Công ty TNHH J đã nộp theo biên lai số AA/2020/0035366 ngày 08/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Toà tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q.Nam Từ Liêm;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Chi cục THADS Q.Nam Từ Liêm;
- Lưu HS - VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thúy Anh

